

Số: 1993 /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 1261/TTg-KTTH ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp với nội dung chi tiết theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các đơn vị được trang bị xe ô tô theo quy định tại Quyết định này thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *TC*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính (để biết);
- Kho bạc nhà nước (để p/h);
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long



Phụ lục I

BỔ SUNG TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC BỘ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số : 1993/QĐ-BTP ngày 05 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Đối tượng sử dụng	Số lượng (chiếc)	Chủng loại	Đơn giá
1	Học viện Tư pháp	1	Xe ô tô 7-16 chỗ ngồi	- Đối với xe ô tô một cầu, mức giá tối đa là 720.000.000 đồng (chưa bao gồm lệ phí trước bạ); - Đối với xe hai cầu và xe 12-16 chỗ, mức giá tối đa là 1.100.000.000 đồng (chưa bao gồm lệ phí trước bạ).
2	Trường ĐH Luật Hà Nội	3	Xe ô tô 7-16 chỗ ngồi	
3	Trường Cao đẳng Luật miền Bắc	1	Xe 16 chỗ	
4	Trường Cao đẳng Luật miền Trung	1	Xe 16 chỗ	
5	Trường Cao đẳng Luật miền Nam	1	Xe 16 chỗ	
6	Trường Trung cấp Luật Tây Bắc	1	Xe 16 chỗ	
7	Báo Pháp luật Việt Nam	2	Xe 7-9 chỗ	
8	Nhà Xuất bản Tư pháp	1	Xe 16 chỗ	
	Tổng số	11		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

**BỔ SUNG TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
CỦA CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

(Kèm theo Quyết định số: *193* /QĐ-BTP ngày *05* tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Đơn vị được trang bị	Xe 7-9 chỗ ngồi (chiếc)	Xe 16 chỗ ngồi (chiếc)
1	Văn phòng Tổng cục THADS	4	1
2	Cục THADS thành phố Hà Nội	3	1
3	Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh	3	1
4	Cục THADS thành phố Hải Phòng	2	1
5	Cục THADS thành phố Đà Nẵng	2	1
6	Cục THADS thành phố Cần Thơ	2	1
7	Cục THADS tỉnh Nam Định	1	
8	Cục THADS tỉnh Hà Nam	1	
9	Cục THADS tỉnh Hải Dương	1	1
10	Cục THADS tỉnh Hưng Yên	1	
11	Cục THADS tỉnh Thái Bình	1	
12	Cục THADS tỉnh Long An	1	1
13	Cục THADS tỉnh Tiền Giang	1	1
14	Cục THADS tỉnh Bến Tre	1	1
15	Cục THADS tỉnh Đồng Tháp	1	1
16	Cục THADS tỉnh Vĩnh Long	1	1
17	Cục THADS tỉnh An Giang	1	1
18	Cục THADS tỉnh Kiên Giang	1	1
19	Cục THADS tỉnh Hậu Giang	1	
20	Cục THADS tỉnh Bạc Liêu	1	1
21	Cục THADS tỉnh Cà Mau	1	1
22	Cục THADS tỉnh Trà Vinh	1	1
23	Cục THADS tỉnh Sóc Trăng	1	1
24	Cục THADS tỉnh Bắc Ninh	1	
25	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	1	1
26	Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc	1	
27	Cục THADS tỉnh Phú Thọ	1	1
28	Cục THADS tỉnh Ninh Bình	1	
29	Cục THADS tỉnh Thanh Hóa	1	1
30	Cục THADS tỉnh Nghệ An	1	1
31	Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh	1	
32	Cục THADS tỉnh Quảng Bình	1	
33	Cục THADS tỉnh Quảng Trị	1	

Chuan

STT	Đơn vị được trang bị	Xe 7-9 chỗ ngồi (chiếc)	Xe 16 chỗ ngồi (chiếc)
34	Cục THADS tỉnh Thừa Thiên - Huế	1	
35	Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1	
36	Cục THADS tỉnh Bình Thuận	1	1
37	Cục THADS tỉnh Đồng Nai	1	1
38	Cục THADS tỉnh Bình Dương	1	1
39	Cục THADS tỉnh Bình Phước	1	1
40	Cục THADS tỉnh Tây Ninh	1	1
41	Cục THADS tỉnh Quảng Nam	1	
42	Cục THADS tỉnh Bình Định	1	1
43	Cục THADS tỉnh Khánh Hòa	1	1
44	Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi	1	1
45	Cục THADS tỉnh Phú Yên	1	
46	Cục THADS tỉnh Ninh Thuận	1	
47	Cục THADS tỉnh Thái Nguyên	1	1
48	Cục THADS tỉnh Bắc Kạn	1	
49	Cục THADS tỉnh Cao Bằng	1	
50	Cục THADS tỉnh Lạng Sơn	1	
51	Cục THADS tỉnh Tuyên Quang	1	
52	Cục THADS tỉnh Hà Giang	1	
53	Cục THADS tỉnh Yên Bái	1	
54	Cục THADS tỉnh Lào Cai	1	
55	Cục THADS tỉnh Hòa Bình	1	
56	Cục THADS tỉnh Sơn La	1	
57	Cục THADS tỉnh Điện Biên	1	
58	Cục THADS tỉnh Lai Châu	1	
59	Cục THADS tỉnh Quảng Ninh	1	1
60	Cục THADS tỉnh Lâm Đồng	1	1
61	Cục THADS tỉnh Gia Lai	1	1
62	Cục THADS tỉnh Đắk Lắk	1	1
63	Cục THADS tỉnh Đắk Nông	1	
64	Cục THADS tỉnh Kon Tum	1	
	Tổng cộng	74	35

Mức giá xe ô tô chuyên dùng: Đối với xe ô tô một cầu, mức giá tối đa là 720.000.000 đồng; đối với xe ô tô 2 cầu và xe ô tô 16 chỗ ngồi có mức giá tối đa là 1.100.000.000 đồng.